TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2018/HNGĐ-ST
Ngày 09 – 5 – 2018
V/v tranh chấp ly hôn
và chia tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực.

Ông Nguyễn Văn Hiển.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 09 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2018 về việc "tranh chấp ly hôn và chia tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Huỳnh Chí H; cư trú tại: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Chị Phạm Kiều D; cư trú tại: Ấp T1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 3 năm 2018 và lời trình bày trong quá trình giải quyết của nguyên đơn là anh Huỳnh Chí H thể hiện:*

Về hôn nhân: Anh và chị Phạm Kiều D tự nguyện chung sống với nhau vào ngày 26 tháng 11 năm 2017 nhưng không có đăng ký kết hôn, khi về chung sống

do bất đồng ý kiến, thường xảy ra cự cãi nên chị D đã bỏ về gia đình của chị sinh sống từ ngày 04 tháng 01 năm 2018 âm lịch và ly thân cho đến nay. Khi chị D bỏ đi, anh có gặp chị D để hàn gắn, quay lại chung sống nhưng chị D không đồng ý. Nay anh xét thấy, cuộc sống không còn hạnh phúc, không thể quay lại để tiếp tục chung sống và mục đích hôn nhân không còn đạt được nên anh yêu cầu xin được ly hôn với chị D.

Về con chung: Anh và chị D chưa có con chung.

Về tài sản: Trong ngày cưới, anh và chị D được gia đình cho tổng số nữ trang là 7,5 chỉ vàng 24k (gồm: 01 sợi dây chuyền 3,5 chỉ, 01 tấm lắc 03 chỉ và 01 nhẫn 01 chỉ). Số nữ trang này hiện nay do chị D quản lý. Khi ly hôn, giữa anh và chị D đã thỏa thuận phân chia mỗi người hưởng ½ số vàng ở trên.

Về nợ: Không có.

** Tại tờ tường thuật ghi ngày 10 tháng 4 năm 2018 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của bị đơn là chị Phạm Kiều D thể hiện:* Chị thống nhất theo trình bày và yêu cầu của anh H. Ngoài ra chị không có yêu cầu nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Huỳnh Chí H và chị Phạm Kiều D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Anh Huỳnh Chí H và chị Phạm Kiều D tự nguyện chung sống với nhau vào ngày 26 tháng 11 năm 2017 nhưng không có đăng ký kết hôn, khi về chung sống xảy ra mâu thuẫn nên chị D đã bỏ về gia đình của chị sinh sống từ ngày 04 tháng 01 năm 2018 âm lịch và ly thân cho đến nay. Từ nguyên nhân trên, các đương sự cùng xác định không thể quay lại hàn gắn để quay lại chung sống nên đồng ý ly hôn với nhau.

Xét việc đồng ý ly hôn của các đương sự, thấy rằng: Theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì *"Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng..."*. Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét, nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến các đương sự đồng ý ly hôn với nhau mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh H và chị D là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Anh H và chị D chưa có nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Gồm 7,5 chỉ vàng 24k chị D đang quản lý. Khi ly hôn, giữa anh H và chị D thỏa thuận phân chia mỗi người ½ số vàng trên. Xét thấy, việc thỏa thuận phân chia tài sản giữa các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về nợ: Các đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a và điểm đ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh H phải chịu 300.000 đồng.

- Án phí phân chia tài sản: Do anh H và chị D đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án trong trường hợp Tòa án hòa giải trước khi mở phiên tòa nên mỗi người phải chịu là: 3,75 chỉ vàng 24k x 3.660.000 đồng x2,5% = 343.125 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 16, khoản 2 Điều 53 và khoản 1 Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Huỳnh Chí H và chị Phạm Kiều D.

- Về tài sản: Anh H và chị D mỗi người được hưởng 03 (ba) chỉ 07 (bảy) phân 05 (năm) ly vàng 24k. Chị D đang quản lý 7,5 chỉ vàng 24k có nghĩa vụ giao lại cho anh H 3,75 chỉ vàng 24k.

- Về án phí:

+ Án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Anh Hải đã nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009680 ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được đối trừ.

+ Án phí phân chia tài sản: Anh H và chị D mỗi người phải chịu là 343.125 đồng (ba trăm bốn mươi ba nghìn một trăm hai mươi lăm đồng). Anh H đã nộp tạm ứng số tiền 400.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009681 ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được đối trừ và được nhận lại 56.875 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viển kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.